

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Số : 07/2017/NTW-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Nhơn Trạch, Ngày 07 tháng 07 năm 2017

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN
NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 07/2017

- Tổng số mẫu xét nghiệm (Lý hóa và vi sinh) : 48 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 48 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu xét nghiệm : 15 chỉ tiêu (giám sát A)
- Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 15 chỉ tiêu
- Các chỉ tiêu không đạt : 00 chỉ tiêu

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	SỐ MẪU/ THÁNG		KẾT QUẢ LÝ HÓA		KẾT QUẢ VI SINH		CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT
		Lý, Hóa	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1. Khu vực: Khu công nghiệp, khu dân cư và Trung tâm huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai	- Phân xưởng nước Nhơn Trạch	12	12	12	0	12	0	0
2. Khu vực: Khu dân cư xã Đại Phước, Phú Hữu và xã Phú Đông huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai	- Trạm bơm nước Đại Phước	12	12	12	0	12	0	0
Cộng		24	24	24	0	24	0	0
Tỷ lệ %		x	x	100%	0	100%	0	0

- **Kết luận:** Chất lượng nước tại các nhà máy, trạm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt chuẩn và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.

Trân trọng.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Quang Hồng

Số: 2102 /KQ.XIV



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02106.17

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 14/07/2017
Ngày trả kết quả : 28/07/2017
Địa điểm lấy mẫu : Bưu điện Huyện

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-2:1996	0/100ml	0/100ml Hoặc <3MPN/100ml	
2	Tổng số Coliform	TCVN 6187-2:1996 (MPN)	0/100ml	0/100ml	
3	Chỉ số Permanganate	TCVN 6186 : 1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
4	Clo dư	Chlorine Test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
5	Độ cứng toàn phần	SMEWW 2340C - 2012	82,50 mg/l	≤ 300 mg/l	
6	Độ đục	Turbidimeter AL 450T-IR	0,56 NTU	≤ 2,0 NTU	
7	Độ pH	TCVN 6492 : 2011	6,95	6,5 - 8,5	
8	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194 : 1996	289,42 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
9	Hàm lượng Mangan Tổng số	SMEWW 3111B - 2012	0,21 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	5,58 mg/l	≤ 50 mg/l	
11	Hàm lượng Nitrite	PPXN/NTTN-LH/BM04	Không phát hiện.	≤ 3,0 mg/l	
12	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B - 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
13	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997- 375.4	5,04 mg/l	≤ 250 mg/l	
14	Màu sắc	TCVN 6185: 2008	Không phát hiện.	≤ 15,0 Pt	
15	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	

Nhận xét: Mẫu nước có chỉ tiêu Hàm lượng Clorua yêu cầu kiểm nghiệm không đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Bạch Thái Bình

Số: 2105/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02109.17

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước Máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 14/07/2017
Ngày trả kết quả : 27/07/2017
Địa điểm lấy mẫu : Hộ ông Lê Văn Ba ấp Cầu Kê, xã Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996	0/100ml	0/100ml Hoặc <3MPN/100ml	
2	Tổng số Coliform	TCVN 6187-2:1996 (MPN)	0/100ml	0/100ml	
3	Chỉ số Permanganate	TCVN 6186 : 1996	Không phát hiện.	≤ 2,0 mg/l	
4	Clo dư	Chlorine Test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
5	Độ cứng toàn phần	SMEWW 2340C - 2012	87,00 mg/l	≤ 300 mg/l	
6	Độ đục	Turbidimeter AL 450T-IR	0,56 NTU	≤ 2,0 NTU	
7	Độ pH	TCVN 6492 : 2011	6,71	6,5 - 8,5	
8	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194 : 1996	272,05 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
9	Hàm lượng Mangan Tổng số	SMEWW 3111B - 2012	0,24 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	4,86 mg/l	≤ 50 mg/l	
11	Hàm lượng Nitrite	PPXN/NTTN-LH/BM04	Không phát hiện.	≤ 3,0 mg/l	
12	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B - 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
13	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997- 375.4	5,75 mg/l	≤ 250 mg/l	
14	Màu sắc	TCVN 6185: 2008	Không phát hiện.	≤ 15,0 Pt	
15	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	

Nhận xét: Mẫu nước có chỉ tiêu Hàm lượng Clorua yêu cầu kiểm nghiệm không đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến

Biên Hòa, ngày 26 tháng 7 năm 2017



Bach Thái Bình

Số: 2100/KAXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02104.17

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 14/07/2017
Ngày trả kết quả : 28/07/2017
Địa điểm lấy mẫu : Bể Chứa

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-2:1996	0/100ml	0/100ml Hoặc <3MPN/100ml	
2	Tổng số Coliform	TCVN 6187-2:1996 (MPN)	0/100ml	0/100ml	
3	Chỉ số Permanganate	TCVN 6186 : 1996	Không phát hiện.	≤ 2,0 mg/l	
4	Clo dư	Chlorine Test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
5	Độ cứng toàn phần	SMEWW 2340C - 2012	63,50 mg/l	≤ 300 mg/l	
6	Độ đục	Turbidimeter AL 450T-IR	1,01 NTU	≤ 2,0 NTU	
7	Độ pH	TCVN 6492 : 2011	7,03	6,5 - 8,5	
8	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194 : 1996	14,77 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
9	Hàm lượng Mangan Tổng số	SMEWW 3111B - 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	1,18 mg/l	≤ 50 mg/l	
11	Hàm lượng Nitrite	PPXN/NTTN-LH/BM04	Không phát hiện.	≤ 3,0 mg/l	
12	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B - 2012	Không phát hiện.	≤ 0,3 mg/l	
13	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997- 375.4	Không phát hiện.	≤ 250 mg/l	
14	Màu sắc	TCVN 6185: 2008	Không phát hiện.	≤ 15,0 Pt	
15	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	

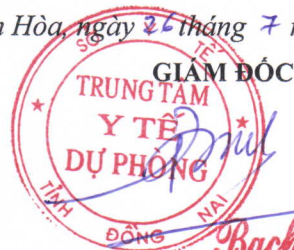
Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến

Biên Hòa, ngày 26 tháng 7 năm 2017



Bạch Thái Bình

Số: 2101/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02105.17

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 14/07/2017
Ngày trả kết quả : 28/07/2017
Địa điểm lấy mẫu : Ngã tư Tín Nghĩa

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-2:1996	0/100ml	0/100ml Hoặc<3MPN/100ml	
2	Tổng số Coliform	TCVN 6187-2:1996 (MPN)	0/100ml	0/100ml	
3	Chỉ số Permanganate	TCVN 6186 : 1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
4	Clo dư	Chlorine Test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
5	Độ cứng toàn phần	SMEWW 2340C - 2012	26,50 mg/l	≤ 300 mg/l	
6	Độ đục	Turbidimeter AL 450T-IR	1,06 NTU	≤ 2,0 NTU	
7	Độ pH	TCVN 6492 : 2011	6,96	6,5 - 8,5	
8	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194 : 1996	15,81 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
9	Hàm lượng Mangan Tổng số	SMEWW 3111B - 2012	Không phát hiện.	≤ 0,3 mg/l	
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	0,66 mg/l	≤ 50 mg/l	
11	Hàm lượng Nitrite	PPXN/NTTN-LH/BM04	Không phát hiện.	≤ 3,0 mg/l	
12	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B - 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
13	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997- 375.4	1,82 mg/l	≤ 250 mg/l	
14	Màu sắc	TCVN 6185: 2008	Không phát hiện.	≤ 15,0 Pt	
15	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến

Biên Hòa, ngày 26 tháng 7 năm 2017



Bạch Thái Bình

Số: 2103/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02107.17

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 14/07/2017
Ngày trả kết quả : 28/07/2017
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Bơm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

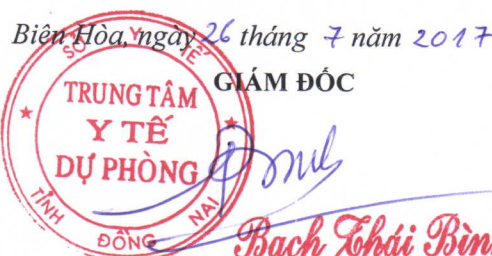
Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-2:1996	0/100ml	0/100ml Hoặc <3MPN/100ml	
2	Tổng số Coliform	TCVN 6187-2:1996 (MPN)	0/100ml	0/100ml	
3	Chỉ số Permanganate	TCVN 6186 : 1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
4	Clo dư	Chlorine Test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
5	Độ cứng toàn phần	SMEWW 2340C - 2012	85,50 mg/l	≤ 300 mg/l	
6	Độ đục	Turbidimeter AL 450T-IR	0,47 NTU	≤ 2,0 NTU	
7	Độ pH	TCVN 6492 : 2011	6,96	6,5 - 8,5	
8	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194 : 1996	230,70 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
9	Hàm lượng Mangan Tổng số	SMEWW 3111B - 2012	0,22 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	4,81 mg/l	≤ 50 mg/l	
11	Hàm lượng Nitrite	PPXN/NTTN-LH/BM04	Không phát hiện.	≤ 3,0 mg/l	
12	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B - 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
13	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997- 375.4	4,31 mg/l	≤ 250 mg/l	
14	Màu sắc	TCVN 6185: 2008	Không phát hiện.	≤ 15,0 Pt	
15	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Bạch Thái Bình

Số: 2104/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02108.17

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 14/07/2017
Ngày trả kết quả : 28/07/2017
Địa điểm lấy mẫu : Bưu Điện xã Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996	0/100ml	0/100ml Hoặc <3MPN/100ml	
2	Tổng số Coliform	TCVN 6187-2:1996 (MPN)	0/100ml	0/100ml	
3	Chỉ số Permanganate	TCVN 6186 : 1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
4	Clo dư	Chlorine Test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
5	Độ cứng toàn phần	SMEWW 2340C - 2012	83,00 mg/l	≤ 300 mg/l	
6	Độ đục	Turbidimeter AL 450T-IR	0,75 NTU	≤ 2,0 NTU	
7	Độ pH	TCVN 6492 : 2011	6,72	6,5 - 8,5	
8	Hàm lượng Clorua	TCVN 6194 : 1996	239,04 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
9	Hàm lượng Mangan Tổng số	SMEWW 3111B - 2012	0,22 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	5,16 mg/l	≤ 50 mg/l	
11	Hàm lượng Nitrite	PPXN/NTTN-LH/BM04	Không phát hiện.	≤ 3,0 mg/l	
12	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B - 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
13	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997- 375.4	4,88 mg/l	≤ 250 mg/l	
14	Màu sắc	TCVN 6185: 2008	Không phát hiện.	≤ 15,0 Pt	
15	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến

Biên Hòa, ngày 26 tháng 7 năm 2017



Bach Thai Binh